

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2019

“Không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huê

2. Ông Phan Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn T, xã T.A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn T, xã T.A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 và có với nhau 03 con chung nhưng anh H và chị N không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống chị N và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người không còn tình cảm vợ chồng nên đã ly thân từ khoảng giữa năm 2015 cho tới nay. Cuộc sống vợ chồng chị N và anh H không còn hạnh phúc, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đặng Văn H. Về con chung, chị N và anh H có 03 con chung là Đặng Quốc C, sinh ngày 04/10/1995; Đặng Thị T, sinh ngày 10/5/1997 và Đặng Quốc S, sinh ngày 07/01/2004. Cháu C và cháu T đã trưởng thành và tự lực được, còn cháu S chưa trưởng thành. Chị N yêu cầu được nuôi cháu S cho đến khi trưởng thành và tự

lập được, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị N tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn H trình bày: Anh Đặng Văn H và chị Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn như chị N trình bày. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không hợp nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân từ khoảng giữa năm 2015 cho đến nay. Anh H cũng đồng ý ly hôn với chị N. Về con chung, anh H và chị N có 3 con chung là Đặng Quốc C, sinh ngày 04/10/1995; Đặng Thị T, sinh ngày 10/5/1997 và Đặng Quốc S, sinh ngày 07/01/2004 như chị N trình bày. Hiện nay cháu C và T đã trưởng thành và tự lực được, còn cháu S chưa trưởng thành nhưng không còn đi học nữa mà cũng đi làm việc và có thu nhập. Vì vậy, hỏi ý kiến cháu S nếu muốn ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và tự lực được. Về tài sản chung và nợ chung anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ Thôn T, xã T.A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ 1993, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Việc anh H, chị N chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng đối với anh Đặng Văn H và chị Nguyễn Thị N. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh H, vì vậy, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn H theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị N anh H có 03 con chung là Đặng Quốc C, sinh ngày 04/10/1995, Đặng Thị T, sinh ngày 10/5/1997 và Đặng Quốc S, sinh ngày 07/01/2004. Cháu C và T đã trưởng thành và tự lực được nên không xem xét; cháu S chưa trưởng thành hiện đang được chị N nuôi dưỡng. Anh H, chị N đều yêu cầu hỏi ý kiến của con nếu muốn ở với ai thì người đó có trách nhiệm chứ không có tranh chấp về việc nuôi con. Qua tham khảo ý kiến của cháu S thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Tại phiên tòa anh H đồng ý để chị N được nuôi cháu S. Vì vậy, giao cho chị N tiếp tục nuôi cháu S đến khi trưởng thành và tự lực được là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N trình bày chị có việc làm, có thu nhập đảm bảo được cuộc sống của

con nên không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Vì thế, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N, anh H, đều trình bày đề tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn H.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N nuôi con chung là cháu Đặng Quốc S, sinh ngày 07/01/2004 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004101 ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đặng Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (16/10/2019), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã T.A, TX. A
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn